

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 10 năm 2020
V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành, ông Đỗ Đình Bản.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020, biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị và anh Hà Văn P kết hôn với nhau vào ngày 08/01/1996, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đủ tuổi kết hôn theo quy định, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ, chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không tu chí làm ăn, hay chửi bới vợ con, anh P nghiện hút chất ma túy và vi phạm pháp luật, hiện đang điều trị tại Cơ sở nghiện ma

túy tỉnh Sơn La. Xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, chị T có đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn P.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung: Cháu Hà Ngọc Á, sinh năm 1996 con đã trưởng thành (Đủ 18 tuổi), đã xây dựng gia đình riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn P trình bày:

Anh nhất trí như việc trình bày của chị T về thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn, anh xác định tình cảm của anh với gia đình vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung: Anh xác nhận quá trình sinh sống anh chị có với nhau 01 người con là cháu Hà Ngọc Á, sinh năm 1996 con đã trưởng thành (Đủ 18 tuổi), đã xây dựng gia đình riêng; về tài sản chung, vay nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục Tổ tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Lò Thị T và anh Hà Văn P được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Anh Hà Văn P có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Anh Hà Văn P đã được lấy lời khai và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị T và anh Hà Văn P kết hôn với nhau vào ngày 08/01/1996. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chịu tu chí làm ăn, nghiện chất ma túy, từ đó vi phạm pháp luật và bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng, hiện đang chấp hành tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La.

Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Hà Văn P. Anh Phưởng xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Tòa án nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Thúy là có căn cứ, cần xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Hà Văn P.

[3] Về con chung: Quá trình sinh sống anh chị đều xác nhận có 01 con chung: Cháu Hà Ngọc Á, sinh năm 1996 đã trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết trong vụ án.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T và anh P trình bày không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Hà Văn P.

2. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001030 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền án phí.

Nguyên đơn chị Lò Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Hà Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND TTNT M, huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà